

Số: 2481/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phân loại bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành kèm theo Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 857/TTr-SNV ngày 17 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại 2.509 bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố (có biểu tổng hợp kèm theo) trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Thành phố Sơn La: 145 bản, tổ dân phố trong đó bản, tổ dân phố loại 1: 15; bản, tổ dân phố loại 2: 19; bản, tổ dân phố loại 3: 111 (có Phụ lục số 01 kèm theo);

2. Huyện Quỳnh Nhai: 109 bản, xóm trong đó bản, xóm loại 1: 12; bản, xóm loại 2: 32; bản, xóm loại 3: 65 (có Phụ lục số 02 kèm theo);

3. Huyện Sông Mã: 411 bản, tiểu khu trong đó bản, tiểu khu loại 1: 16; bản loại 2: 134; bản loại 3: 261 (có Phụ lục số 03 kèm theo);

4. Huyện Yên Châu: 182 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 9; bản loại 2: 56; bản, tiểu khu loại 3: 117 (có Phụ lục số 04 kèm theo);

5. Huyện Sốp Cộp: 106 bản trong đó bản loại 1: 14; bản loại 2: 40; bản loại 3: 52 (số Phụ lục số 05 kèm theo);

6. Huyện Mộc Châu: 193 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 32; bản, tiểu khu loại 2: 57; bản, tiểu khu loại 3: 104 (có Phụ lục số 06 kèm theo);

7. Huyện Vân Hồ: 121 bản trong đó bản loại 1: 11; bản loại 2: 68; bản loại 3: 42 (có Phụ lục số 07 kèm theo);

8. Huyện Phù Yên: 215 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 20; bản loại 2: 94; bản loại 3: 101 (có Phụ lục số 08 kèm theo);

9. Huyện Bắc Yên: 103 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 12; bản loại 2: 60; bản loại 3: 31 (có Phụ lục số 09 kèm theo);

10. Huyện Thuận Châu: 391 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 26; bản loại 2: 144; bản loại 3: 221 (có Phụ lục số 10 kèm theo);

11. Huyện Mường La: 206 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 16; bản loại 2: 91; bản loại 3: 99 (có Phụ lục số 11 kèm theo)

12. Huyện Mai Sơn: 327 bản, tiểu khu trong đó bản loại 1: 16; bản loại 2: 89; bản loại 3: 222 (có Phụ lục số 12 kèm theo);

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công nhận số lượng, phân loại bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (30b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**BIỂU TỔNG HỢP PHÂN LOẠI BẢN,
TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TOÀN TỈNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND
ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số bản, tiểu khu, tổ dân phố được phân loại				Ghi chú
		Tổng số	Loại 1	Loại 2	Loại 3	
1	Thành phố Sơn La	145	15	19	111	
2	Huyện Quỳnh Nhai	109	12	32	65	
3	Huyện Sông Mã	411	16	134	261	
4	Huyện Yên Châu	182	9	56	117	
5	Huyện Sốp Cộp	106	14	40	52	
6	Huyện Mộc Châu	193	32	57	104	
7	Huyện Vân Hồ	121	11	68	42	
8	Huyện Phù Yên	215	20	94	101	
9	Huyện Bắc Yên	103	12	60	31	
10	Huyện Thuận Châu	391	26	144	221	
11	Huyện Mường La	206	16	91	99	
12	Huyện Mai Sơn	327	16	89	222	
Tổng số		2.509	199	884	1426	

Phụ lục số 01

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIÊU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Loại 2	Loại 3	
1	Phường Chiềng Lề	1	4	8	13
		Bản Lầu	Tổ 3	Tổ 1	
			Tổ 5	Tổ 2	
			Tổ 8	Tổ 4	
			Tổ 12	Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 9	
				Tổ 10	
				Tổ 11	
2	Phường Tô Hiệu	2	0	8	10
		Tổ 3		Tổ 1	
	9	Tổ 8		Tổ 2	
				Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 9	
				Bản Hợ	
3	Phường Chiềng An	2	2	6	10
		Tổ 3	Bản Cọ	Tổ 1	
		Tổ 4	Bản Phứa Cón	Tổ 2	
				Bản Hải	
				Bản Cá	
				Bản Quỳnh An	
				Bản Quỳnh Tiến	
4	Phường Quyết Thắng	3	3	9	15
		Bản Giảng Lắc	Tổ 3	Tổ 1	
		Tổ 14	Tổ 6	Tổ 2	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Loại 2	Loại 3	
		Tổ 8	Tổ 9	Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 10	
				Tổ 11	
				Tổ 12	
				Tổ 13	
				Tổ 15	
5	Phường Chiềng Cơi	0	1	7	8
			Bản Chậu Cọ	Tổ 1	
				Tổ 2	
				Tổ 3	
				Bản Buôn	
				Bản Bó Ân	
				Bản Coóng Nọi	
				Bản Mé Ban	
6	Phường Quyết Tâm	2	0	9	11
		Tổ 2		Tổ 1	
		Tổ 11		Tổ 3	
				Tổ 4	
				Tổ 5	
				Tổ 6	
				Tổ 7	
				Tổ 8	
				Tổ 9	
				Tổ 10	
7	Phường Chiềng Sinh	3	1	14	18
		Tổ 1	Tổ 2	Tổ 4	
		Tổ 3		Tổ 5	
		Tổ 6		Tổ 7	
				Tổ 8	
				Tổ 9	
				Tổ 10	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Loại 2	Loại 3	
				Tổ 11	
				Tổ 14	
				Tổ 15	
				Tổ 17	
				Bản Hèo	
				Bản Phung	
				Bản Thắm Mạ	
				Bản Cang	
8	Xã Chiềng Xôm	1	1	8	10
		Bản Tông	Bản Sắng	Bản Phiêng Ngùa	
				Bản Panh	
				Bản Có Mòn	
				Bản Thè Dừn	
				Bản Phiêng Hay	
				Bản Ái	
				Bản Hụm	
				Bản Lả Mường	
9	Xã Hua La	0	3	12	15
			Bản Co Phung	Bản San	
			Bản Lun	Bản Púa Nhọt	
			Bản Nam	Bản Nẹ Tở	
				Bản Nẹ Nưa	
				Bản Bó Cầm	
				Bản Mòng	
				Bản Kham	
				Bản Hịa	
				Bản Sàng	
				Bản Lụa	
				Bản Pọng	
				Bản Hoàng Văn Thụ	
10	Xã Chiềng Ngần	0	1	14	15
			Bản Pát	Bản Dừn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tổ dân phố			Tổng số
		Loại 1	Loại 2	Loại 3	
				Bản Khoang	
				Tiểu Khu I	
				Bản Co Pục	
				Bản Híp	
				Bản Nong La	
				Bản Púng	
				Bản Phường	
				Bản Nà Ngần	
				Bản Ca Láp	
				Bản Kềm	
				Bản Ổ	
				Bản Muông	
				Bản Nà Lo	
11	Xã Chiềng Cọ	1	1	7	9
		Bản Hôm	Bản Hùn	Bản Dầu	
				Bản Ót Luông	
				Bản Ót Nọi	
				Bản Ngoại	
				Bản Chiềng Yên	
				Bản Muông	
				Bản Bôm Huốt	
12	Xã Chiềng Đen	0	2	9	11
			Bản Páng	Bản Tòng Xét	
			Bản Tam	Bản Nong Lọ	
				Bản Quỳnh Tam	
				Bản Quỳnh Phố	
				Bản Phiêng Tam	
				Bản Phiêng Nghè	
				Bản Nam Niệu	
				Bản Bôm Nam	
				Bản Giáng	
	Tổng số	15	19	111	145

Phụ lục số 02

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, XÓM TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUỲNH NHAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, thôn, xóm			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Bằng	0	2	9	11
			Bản Ba Nhất	Bản Bĩa Ban	
			Bản Bung Én	Bản Pu Khoang	
				Bản Chạ Lóng	
				Bản Lọng Đán	
				Bản Khoan	
				Bản Púa Xe	
				Bản Ngáy	
				Bản Canh	
				Bản Pom Sinh	
2	Xã Chiềng Khoang	2	4	5	11
		Bản Hán	Bản Nà Pát	Bản Hậ	
		Bản Phiêng Lý	Bản Ca	Bản Khoang	
			Bản He	Bản Cầu Cang	
			Bản Sản	Bản Đông	
				Bản Hua Lý	
3	Xã Nậm É	0	4	7	11
			Bản Cà Pổng	Bản Nong	
			Bản Cọ Muông	Bản Hào	
			Bản Tôm	Bản Huổi Hẹ	
			Bản Dọ	Bản Bó Ún	
				Bản Bom Hán	
				Bản Giáng Ún	
				Bản Lạn Sản	
4	Xã Chiềng Ôn	0	1	5	6
			Bản Đồng Tâm	Bản Huổi Nà	
				Bản Đán Đăm	
				Bản Xe	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, thôn, xóm			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Lồm Lầu	
				Bản Bình Yên	
5	Xã Mường Giôn	3	2	14	19
		Bản Xa	Bản Giôn	Bản Khóp	
		Bản Bo Xanh	Bản Huổi Ngà	Bản Huổi Tèo	
		Bản Phiêng Mụt I		Bản Phiêng Mụt II	
				Bản Hua Xanh	
				Bản Chiềng Lề	
				Bản Cút	
				Bản Lọng Mường	
				Bản Mắc Lúu	
				Bản Nà Mạt	
				Bản Cha Có	
				Bản Huổi Mặn	
				Bản Pá Ngà	
				Bản Huổi Vắn	
				Bản Kéo Ca	
6	Xã Mường Sại	0	6	2	8
			Bản Búa Bon	Bản Muôn	
			Bản Còi	Bản Huổi Tôm	
			Bản Ít		
			Bản Nhả Sảy		
			Bản Pha Đảo		
			Bản Ten Tre		
7	Xã Pá Ma Pha Khinh	1	1	3	5
		Bản Tậu Khúm	Bản Kịch Máng	Bản Púm	
				Bản Khoang	
				Bản Pá Le	
8	Xã Mường Chiên	0	1	2	3
			Bản Quyền	Bản Bon	
				Bản Hế	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, thôn, xóm			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
9	Xã Cà Nàng	0	1	7	8
			Bản Phướng	Bản Cà Nàng	
				Bản Huổi Suông	
				Bản Ít Phảy	
				Bản Pho Pha	
				Bản Lò Củ	
				Bản Pạ Lò	
				Bản Phát	
10	Xã Chiềng Khay	1	6	6	13
		Bản Nà Mùn	Bản Pá Bó	Bản Nong Trạng	
			Bản Phiêng Bay	Bản Nặm Ngùa	
			Bản Lọng Ô	Bản Có Nàng	
			Bản Có Nọi	Bản Khâu Pùm	
			Bản Có Luông	Bản Co Que	
			Bản Ít Ta Bót	Bản Nặm Tấu	
11	Xã Mường Giàng	5	4	5	14
		Bản Hua Chai	Bản Đán Đanh	Bản Mường Giàng	
		Bản Phiêng Nèn	Xóm 2	Bản Lồm Khiêu	
		Bản Bung Lanh	Xóm 3	Bản Phiêng Ban	
		Xóm 1	Xóm 5	Bản Kiều Hát	
		Xóm 4		Bản Pá Uôn	
	Tổng số	12	32	65	109

Phụ lục số 03

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÔNG MÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Thị trấn Sông Mã	5	0	0	5
		Tổ dân phố 1			
		Tổ dân phố 2			
		Tổ dân phố 3			
		Tổ dân phố 4			
		Tổ dân phố 5			
2	Xã Mường Sai	1	2	10	13
		Bản Ổ	Bản Sai	Bản Co Đưa	
			Bản Nà Hò	Bản Kỳ Ninh	
				Bản Tiên Chung	
				Bản Tin Tộc	
				Bản Lọng Lót	
				Bản Nong Phạ	
				Bản Tân Hồng	
				Bản Nà Un Ngoài	
				Bản Púng Cầm	
				Bản Nà Un Trong	
3	Xã Chiềng Khương	3	15	3	21
		Bản Thống Nhất	Bản Tân Lập	Bản Huổi Nương	
		Bản Khương Tiên	Bản Tiên Sơn	Bản Quyết Thắng	
		Bản Chiềng Khương	Bản Híp	Bản Cỏ	
			Bản Búa		
			Bản Bó		
			Bản Hưng Hà		
			Bản Ten Pạnh		
			Bản Puông		
			Bản Mo		
			Bản Huổi Mo		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Là		
			Bản Liên Hồng		
			Bản Pục		
			Bản Đen		
			Bản Phụ		
4	Xã Chiềng Cang	1	5	27	33
		Bản Chiềng Cang	Bản Bó Lạ	Bản Nà Hỳ	
			Bản Có	Bản Tre	
			Bản Hua Tát	Bản Củ	
			Bản Nà Tý	Bản Nhạp	
			Bản Pá Nó	Bản Cang	
				Bản Trung Châu	
				Bản Hát Sét	
				Bản Huổi Cuổng	
				Bản Thón	
				Bản Ta Tạng	
				Bản Hong Ngay	
				Bản Anh Dững	
				Bản Tin Tát	
				Bản Nà Bon	
				Bản Bằg Lặc	
				Bản Chiềng Xôm	
				Bản Đầu Mường	
				Bản Huổi So	
				Bản Huổi Tao	
				Bản Trung Dững	
				Bản Mỏ	
				Bản Nhọt Có	
				Bản Kiến Lâm	
				Bản Co Tòng	
				Bản Ít Lót	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Huổi Dắng	
				Bản Tiên Cang	
5	Xã Mường Hung	0	9	32	41
			Bản Muôn	Bản Huổi Ỏi	
			Bản Cương Chính	Bản Nà Ngần	
			Bản Nà Cầm	Bản Yên Sơn	
			Bản Trung Dũng	Bản Cát	
			Bản Phiêng Pên	Bản Lúa	
			Bản Đội 6	Bản Kéo Co	
			Bản Ít	Bản Huổi Bua	
			Bản Mường Hung	Bản Kéo	
			Bản Hong Dôm	Bản Pho	
				Bản Phiêng Hoi	
				Bản Nà Ái	
				Bản Huổi	
				Bản Hát 8	
				Bản Co Kườm	
				Bản Co Tra	
				Bản Hát So	
				Bản Coi	
				Bản Quỳnh Long	
				Bản Huổi Hìn	
				Bản Om	
				Bản Bua Hìn	
				Bản Phiêng Lươn	
				Bản Nà Lúa	
				Bản Mường Tợ	
				Bản Áng	
				Bản Huổi Khôm	
				Bản Nà Nông	
				Bản Bua Xá	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Phiêng Pinh	
				Bản Nà Hứa	
				Bản Lọng Niếng	
				Bản Phiêng Nghịu	
6	Xã Mường Cai	0	7	8	15
			Bản Nà Dòn	Bản Huổi Co	
			Bản Mường Cai	Bản Nà Kham	
			Bản Huổi Hứa	Bản Co Phường	
			Bản Háng Lìa	Bản Xia Kia	
			Bản Huổi Khe	Bản Ta Lát	
			Bản Co Bay	Bản Sài Khao	
			Bản Huổi Mười	Bản Phiêng Piềng	
				Bản Pá Vẹ	
7	Xã Chiềng Khoong	1	11	38	50
		Bản Hải Sơn	Bản Lè	Bản Liên Phương	
			Bản Khong Tợ	Bản Hồng Nam	
			Bản Lướt	Bản Xi Lô	
			Bản Mòn	Bản Hoàng Mã	
			Bản Pìn	Bản Púng Kiểng	
			Bản Chiên	Bản C5	
			Bản Púng	Bản Bướm Ổ	
			Bản Cang	Bản Huổi Bó	
			Bản Huổi Hào	Bản Huổi Mòn	
			Bản Hát Lay	Bản Co Phen	
			Bản Pá Bông	Bản Nà Ngặp	
				Bản Bó Sản	
				Bản Co Sản	
				Bản Tân Hưng	
				Bản Huổi Nóng	
				Bản Hua Na	
				Bản Đưa Muội	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Bó Luông	
				Bản Bó Quỳnh	
				Bản Lán Lanh	
				Bản Đội 3	
				Bản Lụng Quai	
				Bản Ta Bay	
				Bản Huổi Xim	
				Bản Bó Chạy	
				Bản Phiêng Xim	
				Bản Co Tòng	
				Bản Nộc Kỷ	
				Bản Bon	
				Bản Pá Ban	
				Bản Pá Khôm	
				Bản Búa Cóp	
				Bản Huổi Khoong	
				Bản Pá Có	
				Bản Nậm Sỏi	
				Bản Chiềng Cói	
				Bản Co Hay	
				Bản Ít Lóc	
8	Xã Huổi Một	0	6	15	21
			Bản Nậm Pù	Bản Co Mạ	
			Bản Kéo	Bản Túp Phạ A	
			Bản Pản	Bản Nà Hạ	
			Bản Pá Công	Bản Ta Hóc	
			Bản Co Kiêng	Bản Nong Ke	
			Bản Phá Thóng	Bản Pá Mần	
				Bản Cang Cói	
				Bản Nà Nghiều	
				Bản Lọng Mòn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Huổi Pản	
				Bản Khua Hợ	
				Bản Túp Phạ B	
				Bản Pa Tết	
				Bản Bằng Vúng	
				Bản Hợ Tiên	
9	Xã Nậm Mần	0	3	9	12
			Bản Chạy Cang	Bản Huổi Khoang	
			Bản Nậm Mần	Bản Pá Ban	
			Bản Púng Khương	Bản Púng Hày	
				Bản Chả	
				Bản Nhà Sày	
				Bản Nà Luông	
				Bản Nà Cà	
				Bản Huổi	
				Bản Chu Vai	
10	Xã Nà Nghịu	1	18	18	37
		Bản Mé Bon	Bản Quyết Tiến	Bản Hưng Mai	
			Bản Nà Nghịu II	Bản Nà Hin II	
			Bản Nậm Ún	Bản Trại Giồng	
			Bản Nà Nghịu	Bản Cánh Kiến	
			Bản Thón	Bản Lê Hồng Phong	
			Bản Lươi Là	Bản Tây Hồ	
			Bản Nà Pàn II	Bản Quyết Thắng	
			Bản Huổi Cói	Bản Phiêng Pòng	
			Bản Mung	Bản Kéo	
			Bản Tân Hợ	Bản Lọng Lăn	
			Bản Nà Hin	Bản Ngu Hấu	
			Bản Phòng Sài	Bản Nong Léch	
			Bản Co Phường	Bản Tiên Phong	
			Bản Nà Pàn	Bản Bom Phung	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Sào Và	Bản Quyết Tâm	
			Bản Nang Cầu	Bản Hua Pàn	
			Bản Xum Côn	Bản Co Tòng	
			Bản Huổi Lìu	Bản Phiêng Tỏ	
11	Xã Nậm Ty	2	8	15	25
		Bản Nà Tòng	Bản Pàn	Bản Nà Phung	
		Bản Mòn	Bản Nà Khựa	Bản Đứa	
			Bản Co Dâu	Bản Lọng Nghịu	
			Bản Nà Hay	Bản Huổi Tòng	
			Bản Nà Mện	Bản Nà Sèo	
			Bản Xẻ	Bản Hua Cắt	
			Bản Nà Há	Bản Búa Hụn	
			Bản Pá Men	Bản Nà Pàn	
				Bản Nà Hiếm	
				Bản Pá Lành	
				Bản Nà Lăn	
				Bản Xen Xay	
				Bản Phiêng Đìn	
				Bản Pá Lâu	
				Bản Huổi Cắt	
12	Xã Chiềng Phung	1	5	8	14
		Bản Nuốt Còn	Bản Chiềng Vàng	Bản Củ Bú	
			Bản Chéo	Bản Nà Ban	
			Bản Pịn	Bản Nong Xô	
			Bản Huổi Tư	Bản Nà Sàng	
			Bản Co Khương	Bản Pá Trả	
				Bản Nà Lạt	
				Bản Huổi Lay	
				Bản Hua Và	
13	Xã Chiềng Sơ	0	10	14	24
			Bản Mường Bon	Bản Công	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Nà Sặng	Bản Phiêng Pe	
			Bản Nà Cầ II	Bản Nà Luông	
			Bản Mâm	Bản Đũa II	
			Bản Nà Cầ	Bản Quảng Tiến	
			Bản Luẩn	Bản Huổi Cát	
			Bản Nà Lốc II	Bản Thắng Lợi	
			Bản Nà Lốc	Bản Ten Ứ	
			Bản Phiêng Xa	Bản Công II	
			Bản Đũa	Bản Huổi Hịa	
				Bản Nà Tọ	
				Bản Sài Lương	
				Bản Tân Tiến	
				Bản Sài Lương II	
14	Xã Yên Hưng	0	6	16	22
			Bản Bang	Bản Huổi	
			Bản Nà Mừ	Bản Hải Hưng	
			Bản Pọng	Bản Pái	
			Bản Pảng	Bản Lẹ	
			Bản Nà Lằn	Bản Tau Hay	
			Bản Sòng	Bản Bua	
				Bản Lụng Há	
				Bản Nà Dì	
				Bản Nà Hạ	
				Bản Pá Pao	
				Bản Nà Nong	
				Bản Hua Mừ	
				Bản Tìn Tồ	
				Bản Huổi Púng	
				Bản Hua Sòng	
				Bản Nà Đũa	
15	Xã Đũa Mòn	0	7	19	26

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Đưa Mòn	Bản Phá Thổng	
			Bản Huổi Léch	Bản Nộc Cốc II	
			Bản Tia	Bản Huổi Pật	
			Bản Cù	Bản Hua Thổng	
			Bản Hìn Pèn	Bản Phiêng Nong	
			Bản Tạng Són	Bản Nà Lóc	
			Bản Púng Núa	Bản Huổi Lạnh	
				Bản Nà Tấu	
				Bản Đưa Luông	
				Bản Ngam Trạng	
				Bản Nà Tấu II	
				Bản Huổi Phẳng	
				Bản Trá Láy	
				Bản Nộc Cốc	
				Bản Púng Báng	
				Bản Huổi Léch II	
				Bản Phiêng Muông	
				Bản Huổi Núa	
				Bản Hua Phẳng	
16	Xã Mường Lằm	1	4	8	13
		Bản Mường Nưa	Bản Lồm Hỏm	Bản Mường Cang	
			Bản Ngày	Bản Hịa	
			Bản Sàng	Bản Mường Tợ	
			Bản Pá Có	Bản Lầu	
				Bản Tà Cọng	
				Bản Nà Và	
				Bản Phèn	
				Bản Huổi Én	
17	Xã Chiềng En	0	8	7	15
			Bản Lưng	Bản Co Tông	
			Bản Lăng Mới	Bản Huổi Pàn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Lọng Xày	Bản Co Muông	
			Bản Nà Bó	Bản Pá Lung	
			Bản Hua Lung	Bản Hua Pát	
			Bản Huổi Han	Bản Huổi Púng	
			Bản Pá Nì	Bản Huổi Ến	
			Bản Ten		
18	Xã Bó Sinh	0	7	9	16
			Bản Phổng	Bản Dạ	
			Bản Phổng II	Bản Bó Sinh B	
			Bản Nà Niêng	Bản Huổi Tình	
			Bản Pát	Bản Bằg Mòn	
			Bản Pá Ma	Bản Bó Sinh	
			Bản Nong	Bản Huổi Tính	
			Bản Ngày	Bản Hin Hụ	
				Bản Bó Kheo	
				Bản Pá Khoang	
19	Xã Pú Bầu	0	3	5	8
			Bản Hấp	Bản Huổi Lán	
			Bản Pá Ca	Bản Pha Hấp	
			Bản Háng Xía	Bản Pá Lâu II	
				Bản Pú Bầu	
				Bản Pá Lâu	
	Tổng số	16	134	261	411

Phụ lục số 04

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Đông	4	6	3	13
		Bản Chai	Bản Nhôm	Bản Huổi Siêu	
		Bản Luông Mé	Bản Chũm	Bản Keo Bó	
		Bản Đông Tấu	Bản Hượn	Bản Púng Khoai	
		Bản Na Pản	Bản Huổi Pù		
			Bản Thèn Luông		
			Bản Nặm Ún		
2	Xã Chiềng Sàng	0	0	8	8
				Bản Mo	
				Bản Búng Mo	
				Bản Chiềng Kim	
				Bản Chiềng Sàng	
				Bản Chiềng Sàng 2	
				Bản Mai Ngập	
				Bản Đán	
				Bản Đán 2	
3	Xã Chiềng Păn	0	1	8	9
			Bản Boong Xanh	Bản Ngùa	
				Bản Thông Phiêng	
				Bản Sốp Sạng	
				Bản Phát	
				Bản Chiềng Phú	
				Bản Chiềng Thi	
				Bản Thàn	
				Bản Pang Heo	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
4	Xã Viêng Lán	0	1	4	5
			Bản Huổi Hẹ	Bản Kho Vàng	
				Bản Huổi Qua	
				Bản Nà Và	
				Bản Mường Vạt	
5	Xã Chiềng Khoi	0	0	6	6
				Bản Hiêm	
				Bản Pút	
				Bản Tùm	
				Bản Mé	
				Bản Na Đông	
				Bản Ngoàng	
6	Xã Sập Vạt	0	0	12	12
				Bản Bắ Đông	
				Bản Khóng	
				Bản Nà Khái	
				Bản Hin Nam	
				Bản Nghè	
				Bản Mệt Sai	
				Bản Thín	
				Bản Khá	
				Bản Na Pa	
				Bản Pa Sang	
				Bản Nhúng	
				Bản Noóng Khéo	
7	Xã Chiềng Hặc	0	0	15	15
				Bản Huổi Mong	
				Bản Nà Ngà	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Huổi Sét	
				Bản Đoàn Kết	
				Bản Văng Lùng	
				Bản Huổi Lắc	
				Bản Tà Vài	
				Bản Nà Phiêng	
				Bản Cang	
				Bản Pa Hóc	
				Bản Huổi Thón	
				Bản Hang Hóc	
				Bản Chi Đáy	
				Bản Bó Kiếng	
				Bản Co Sáy	
8	Xã Mường Lựm	0	4	6	10
			Bản Khẩu Khoang	Bản Na Ban	
			Bản Mường Lựm	Bản Na Bắ	
			Bản Mé	Bản Nà Lắ	
			Bản Ôn Ốc	Bản Na Ngua	
				Bản Đảo	
				Bản Pá Khôm	
9	Xã Tú Nang	2	5	17	24
		Bản Tà Làng Thấp	Bản Suối Bùn	Bản Lắc Kén	
		Bản Hua Đán	Bản Đông Khùa	Bản Suối Phà	
			Bản Cồ Nông	Bản Cốc Củ	
			Bản Tà Làng Cao	Bản Cung giao thông Đông Khùa	
			Bản Văng Phay	Bản Nàng Yên	
				Bản Tin Tộc	
				Bản Nà Khoang	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Nong Pét	
				Bản Chiềng Ban I	
				Bản Chiềng Ban II	
				Bản Trung Tâm	
				Bản Cốc Lắc	
				Bản Cung giao thông Tà Làng	
				Bản Tú Quỳnh	
				Bản Bó Mon	
				Bản Cô Tông	
				Bản Cây Ton	
10	Xã Lóng Phiêng	1	7	4	12
		Bản Yên Thi	Bản Pha Cúng	Bản Quỳnh Phiêng	
			Bản Nong Đúc	Bản Cò Chia	
			Bản Tà Vàng	Bản Quỳnh Châu	
			Bản Mơ Tươi	Bản Pa Sa	
			Bản Tô Buông		
			Bản Mỏ Than		
			Bản Nà Mùa		
11	Xã Chiềng Tương	1	4	4	9
		Bản Co Lắc	Bản Pa Kha I	Bản Bó Hin	
			Bản Pa Kha II	Bản Đin Chí	
			Bản Pa Kha III	Bản Pa Khôm	
			Bản Pom Khốc	Bản Đề A	
12	Xã Phiêng Khoài	1	16	13	30
		Bản Kim Chung I	Bản Cồn Huốt I	Bản Páo Cửa	
			Bản Ái II	Bản Lao Khô II	
			Bản Tà Ẽn	Bản Bó Rôm	
			Bản Con Khăm	Bản Quỳnh Chung	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Thanh Yên I	Bản Quỳnh Liên	
			Bản Ten Luông	Bản Hang Cấn	
			Bản Tam Thanh	Bản Cồn Huốt II	
			Bản Keo Muông	Bản Huổi Sai	
			Bản Kim Chung III	Bản Bó Sinh	
			Bản Kim Chung II	Bản Na Nhươi	
			Bản Hang Mon I	Bản Đán Đón	
			Bản Hang Mon II	Bản Nặm Bó	
			Bản Thanh Yên II	Bản Na Lù	
			Bản Ái I		
			Bản Lao Khô I		
			Bản Co Mon		
13	Xã Chiềng On	0	3	8	11
			Bản Keo Đồn	Bản Trảng Nặm	
			Bản A La	Bản Trạm Hóc	
			Bản Suối Cút	Bản Nà Đít	
				Bản Nà Dạ	
				Bản Nà Cài	
				Bản Bản Khuông	
				Bản Đin Chí	
				Bản Ta Liễu	
				Bản Co Tôm	
14	Xã Yên Sơn	0	9	3	12
			Bản Bó Phương	Bản Chiềng Hưng	
			Bản Yên Quỳnh	Bản Chờ Lồng	
			Bản Chiềng Yên	Bản Cò Chĩa	
			Bản Quỳnh Sơn		
			Bản Đán I		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Đán		
			Bản Kim Sơn II		
			Bản Kim Sơn I		
15	Thị trấn Yên Châu	0	0	6	6
				Tiểu khu 1	
				Tiểu khu 2	
				Tiểu khu 3	
				Tiểu khu 4	
				Tiểu khu 5	
				Tiểu khu 6	
	Tổng số	9	56	117	182

Phụ lục số 05

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÓP CỘP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Dømm Cang	1	5	5	11
		Bản Dømm	Bản Huổi Dømm	Bản Pá Hóc	
			Bản Cang	Bản Huổi Yên	
			Bản Nà Khá	Bản Men	
			Bản Pặt Pháy	Bản Huổi Nó	
			Bản Tóc Lù	Bản Lọng Phát	
2	Xã Mường Và	5	7	10	22
		Bản Pỏi Lanh	Bản Nghè Vèn	Bản Co Đứa	
		Bản Hóc Một	Bản Huổi Lầu	Bản Huổi Pót	
		Bản Tông Hùm	Bản Nà Lừa	Bản Pá Khoang	
		Bản Mường Và	Bản Nà Khoang	Bản Nà Cang	
		Bản Cáp Ven	Bản Nà Mòn	Bản Lọng Ôn	
			Bản Huổi Ca	Bản Tặc Tè	
			Bản Huổi Niếng	Bản Púng Pảng	
				Bản Phá Thổng	
				Bản Huổi Dương	
				Bản Pá Vai	
3	Xã Sốp Cộp	4	0	7	11
		Bản Hua Mường		Bản Pe	
		Bản Sốp Cộp		Bản Nà Dì	
		Bản Ban		Bản Sốp Nặm	
		Bản Nà Lốc		Bản Co Hỉnh	
				Bản Pá Hóc	
				Bản Tà Cọ	
				Bản Nó Sài	
4	Xã Mường Lèo	0	3	10	13
			Bản Mạt	Bản Liềng	
			Bản Nặm Pừn	Bản Chăm Hỳ	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Huổi Luông	Bản Huổi Làn	
				Bản Huổi Áng	
				Bản Huổi Phúc	
				Bản Sam Quảng	
				Bản Nà Chòm	
				Bản Pá Khoang	
				Bản Nậm Khún	
				Bản Huổi Lạ	
5	Xã Mường Lạn	3	9	4	16
		Bản Mường Lạn	Bản Phiêng Pen	Bản Huổi Men	
		Bản Khá	Bản Cống	Bản Nà Vạc	
		Bản Nà Khi	Bản Huổi Lè	Bản Nậm Lạn	
			Bản Pu Hao	Bản Co Muông	
			Bản Cang Cói		
			Bản Nà Ẩn		
			Bản Pá Kạch		
			Bản Huổi Pá		
			Bản Nong Phụ		
6	Xã Púng Bánh	1	9	3	13
		Bản Púng	Bản Kéo Hìn	Bản Huổi Cốp	
			Bản Lầu	Bản Phá Thổng	
			Bản Phải	Bản Púng Cườm	
			Bản Cọ		
			Bản Liềng		
			Bản Lùn		
			Bản Bánh		
			Bản Khá Nhị		
			Bản Liễn Ban		
7	Xã Sam Kha	0	2	7	9
			Bản Sam Kha	Bản Nậm Tĩa	
			Bản Pu Sút	Bản Huổi Sang	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Púng Báng	
				Bản Phá Thổng	
				Bản Ten Lán	
				Bản Nà Trĩa	
				Bản Huổi My	
8	Xã Nậm Lạnh	0	5	6	11
			Bản Phổng	Bản Lọng Tòng	
			Bản Cang	Bản Nậm Lạnh	
			Bản Lạnh	Bản Hua Lạnh	
			Bản Púng Tòng	Bản Huổi Hịa	
			Bản Bánh Han	Bản Cang Kéo	
				Bản Pá Vai	
	Tổng số	14	40	52	106

Phụ lục số 06

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MỘC CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Hắc	1	4	9	14
		Bản Ta Niết	Bản Tà Số 1	Bản Hìn Phá	
			Bản Tà Số 2	Bản Tát Ngoăng	
			Bản Tong Hán	Bản Piềng Lán	
			Bản Cò Lìu	Bản Pá Phang 1	
				Bản Pá Phang 2	
				Bản Chiềng Păn	
				Bản Tây Hưng	
				Bản Long Phú	
				Bản Tán Thuật	
2	Xã Chiềng Khừa	0	7	2	9
			Bản Phách	Bản Trọng	
			Bản Cang	Bản Suối Đon	
			Bản Khừa		
			Bản Tòng		
			Bản Ông Lý		
			Bản Xa Lú		
			Bản Căng Ty		
3	Xã Chiềng Sơn	2	12	6	20
		Tiểu khu 19/5	Tiểu khu 8	Bản Dân Quân	
		Bản Hương Sơn	Bản Co Phương	Bản Suối Thín	
			Tiểu khu 1/5	Bản Hìn Pén	
			Bản Pha Luông	Bản Nặm Dên	
			Tiểu khu 7	Bản Lả Mường	
			Tiểu khu 2	Tiểu khu 2/9	
			Tiểu khu 3		
			Tiểu khu 4		
			Tiểu khu 5		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Tiểu khu 6		
			Tiểu khu 30/4		
			Tiểu khu 3/2		
4	Xã Đông Sang	1	1	9	11
		Bản Áng	Bản Co Sung	Bản Tự Nhiên	
				Bản Búa	
				Bản Áng 3	
				Bản Cóc	
				Tiểu khu 34	
				Bản Chăm Cháy	
				Bản Pa Phách 1	
				Bản Nà Kiến	
				Bản Pa Phách 2	
5	Xã Nà Mường	0	1	8	9
			Bản Đoàn Kết	Bản Kè Tèo	
				Bản Tân Ca	
				Bản Thống Nhất	
				Bản Nà Mường	
				Bản Suối Khua	
				Tiểu Khu 3	
				Bản Sầm Nặm	
				Bản Sỳ Lý	
6	Xã Mường Sang	1	2	8	11
		Bản Nà Bó 2	Bản Nà Bó 1	Bản Là Ngà 1	
			Bản Lùn	Bản Là Ngà 2	
				Bản Vật	
				Bản Sò Lườn	
				Bản An Thái	
				Bản Bãi Sậy	
				Bản 19/8	
				Bản Thái Hưng	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
7	Xã Hua Păng	1	4	2	7
		Bản Chiềng Cang	Bản Nà Sài	Bản Nà Bó II	
			Bản Bó Hiềng	Bản Suối Ngõa	
			Bản Nà Bó I		
			Bản Suối Ba		
8	Xã Lóng Sập	0	7	7	14
			Bản Bó Sập	Bản Co Cháy	
			Bản Phát	Bản Pu Nhan	
			Bản A Má 1	Bản A Lá	
			Bản A Má 2	Bản Pha Nhên	
			Bản Mường Bó	Bản Buốc Pát	
			Bản Hong Húa	Bản Buốc Quang	
			Bản Phiềng Cài	Bản Pha Đón	
9	Xã Phiềng Luông	0	2	6	8
			Bản Muống	Bản Xồm Lồm	
			Bản Pa Hốc	Bản Suối Khem	
				Bản Piềng Sàng	
				Bản Tám Ba	
				Bản Phiềng Tiến	
				Bản Phiềng Hạ	
10	Xã Tà Lại	0	3	7	10
			Bản Lòng Hồ	Bản Suối Mồ	
			Bản Tà Lọt	Bản Pái Mồ	
			Bản Nà Cạn	Bản Nong Cụt	
				Bản Tháng 5	
				Bản C 5	
				Bản Trai Sơn	
				Bản Trai Tôn	
11	Xã Tân Hợp	0	5	7	12
			Bản Nà Mường	Bản Sam Kha	
			Bản Sao Tua	Bản Nà Sánh	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Nà Mý	Bản Tầm Phế	
			Bản Suối Xáy	Bản Cà Đặc	
			Bản Pơ Nang	Bản Suối Khoang	
				Bản Lũng Mú	
				Bản Bó Liều	
12	Xã Tân Lập	3	3	9	15
		Bản Dọi	Bản Hoa	Bản Phiêng Đón	
		Bản Tà Phênh	Bản Nà Tân	Bản Nà Pháy	
		Tiểu khu 12	Bản Phiêng Cành	Bản Lóng Cóc	
				Bản Nà	
				Bản Nặm Khao	
				Bản Nặm Tôm	
				Tiểu khu 9	
				Tiểu khu 34	
				Bản Co Phay	
13	Xã Quy Hương	0	2	9	11
			Bản Nà Giàng 2	Bản Chiềng Không	
			Bản Suối Cáu	Bản Nà Giàng	
				Bản Bó Hoi	
				Bản Suối Giăng 1	
				Bản Suối Giăng 2	
				Bản Vằng Khoài	
				Bản Đồng Giăng	
				Bản Nà Quên	
				Bản Bến Trai	
14	Thị trấn Mộc Châu	7	1	4	12
		Tiểu khu 1	Tiểu khu 12	Tiểu khu 2	
		Tiểu khu 3		Tiểu khu Bản Mòn	
		Tiểu khu 6		Tiểu khu 4	
		Tiểu khu 8		Tiểu khu 11	
		Tiểu khu 10			

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
		Tiểu khu 13			
		Tiểu khu 14			
15	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	16	3	11	30
		Tiểu khu Bó Bun	Tiểu khu 70	Tiểu khu Tà Loọng	
		Tiểu khu Chờ Lồng	Tiểu khu 84/85	Tiểu khu Chè Đen I	
		Tiểu khu Pa Khen	Tiểu khu Vườn Đào	Tiểu khu 66	
		Tiểu khu Chiềng Di		Tiểu khu Cơ Quan	
		Tiểu khu Tiên Tiến		Tiểu khu 3/2	
		Tiểu khu Thảo Nguyên		Tiểu khu Pa Khen III	
		Tiểu khu 68		Tiểu khu Cờ Đỏ	
		Tiểu khu 1/5		Tiểu khu 40	
		Tiểu khu Hoa Ban		Tiểu khu Chè Đen II	
		Tiểu khu Cấp 3		Tiểu khu 26/7	
		Tiểu khu Khí Tượng		Tiểu khu Mía đường	
		Tiểu khu 19/8			
		Tiểu khu 19/5			
		Tiểu khu Nhà Nghỉ			
		Tiểu khu Bệnh Viện			
		Tiểu khu Bản Ôn			
	Tổng số	32	57	104	193

Phụ lục số 07

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VÂN HỒ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Khoa	3	3	1	7
		Bản Mường Khoa	Bản Tin Tộc	Bản Phú Khoa	
		Bản Nà Chá	Bản Chiềng Lè		
		Bản Không	Bản Páng		
2	Xã Chiềng Yên	0	5	6	11
			Bản Nà Bai	Bản Leo	
			Bản Niên	Bản Piềng Chà	
			Bản Bổng Hà	Bản Suối Mực	
			Bản Cò Bá	Bản Pà Puộc	
			Bản Phụ Mẫu	Bản Phà Lè	
				Bản Bướn	
3	Xã Liên Hòa	1	4	1	6
		Bản Lẩn	Bản Nôn	Bản Dón	
			Bản Suối Nậu		
			Bản Ngâm		
			Bản Tà Phù		
4	Xã Mường Men	0	3	3	6
			Bản Khả Nhài	Bản Uông	
			Bản Ui	Bản Chột	
			Bản Nà Pa	Bản Cóm	
5	Xã Mường Tè	0	7	1	8
			Bản Hào	Bản Chiềng Ban	
			Bản Háng		
			Bản Mường Tè		
			Bản Pù Hiềng		
			Bản Nhúng		
			Bản Hình		
			Bản Pơ Tào		
6	Xã Quang Minh	0	2	3	5

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Bó	Bản Nà Bai	
			Bản Coong	Bản To Ngùi	
				Bản Lòm	
7	Xã Suối Bàng	0	3	7	10
			Bản Pa Đì	Bản Sôi	
			Bản Chiềng Đa	Bản Ấm	
			Bản Nà Lồi (NL-PT)	Bản Pua Lai	
				Bản Châu Phong	
				Bản Khoang Tuồng	
				Bản Bó	
				Bản Suối Khẩu	
8	Xã Song Khủa	2	5	2	9
		Bản Co Súc	Bản Tà Lạc	Bản Tầm Phế	
		Bản Lóng Khủa	Bản Tàu Dầu	Bản Suối Sấu	
			Bản Co Hó		
			Bản Un		
			Bản Song Hưng		
9	Xã Tô Múa	1	5	6	12
		Bản Lắc Mường	Bản Co Cài	Bản Liên Hưng	
			Bản Đạo	Tiểu khu TT	
			Bản Pàn Ngùa	Bản Mến	
			Bản Suối Liếm	Bản Cho Đáy	
			Bản Khảm	Bản Đá Mài	
				Bản Bó Mòng	
10	Xã Tân Xuân	1	8	0	9
		Bản Láy	Bản Đông Tà Lào		
			Bản Thăm Tôn		
			Bản Tây Tà Lào		
			Bản Bướt		
			Bản Ngà		
			Bản Bún		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Cột Mốc		
			Bản Sa Lai		
11	Xã Xuân Nha	0	8	0	8
			Bản Pù Lầu		
			Bản Tun		
			Bản Nà Hiềng		
			Bản Chiềng Nưa		
			Bản Chiềng Hin		
			Bản Thín		
			Bản Nà An		
			Bản Mường An		
12	Xã Vân Hồ	1	2	11	14
		Bản Hang Trùng 1	Bản Bó Nhàng 1	Bản Hang Trùng 2	
			Bản Pa Cốp	Bản Suối Lìn	
				Tiểu khu Sao Đỏ 1	
				Tiểu khu Sao Đỏ 2	
				Bản Pa Chè	
				Bản Bó Nhàng 2	
				Bản Chiềng Đi 1	
				Bản Chiềng Đi 2	
				Bản Thương Cuông	
				Bản Hua Tạt	
				Bản Chua Tai	
13	Xã Lóng Luông	2	7	0	9
		Bản Co Chàm	Bản Co Tang		
		Bản Lóng Luông	Bản Co Lóng		
			Bản Săn Cài		
			Bản Pa Kha		
			Bản Lũng Xá		
			Bản Tà Dê		
			Bản Suối Bon		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
14	Xã Chiềng Xuân	0	6	1	7
			Bản Khò Hồng	Bản Suối Quanh	
			Bản Dúp Kén		
			Bản Sa Lai		
			Bản Nậm Dên		
			Bản Tân Thành (AL-BL)		
			Bản Nà Sàng		
	Tổng số	11	68	42	121

Phụ lục số 08

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÙ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Thị trấn Phù Yên	7	0	1	8
		Tiểu khu 1		Tiểu khu 3	
		Tiểu khu 2			
		Tiểu khu 4			
		Tiểu khu 5			
		Tiểu khu 6			
		Tiểu khu 7			
		Tiểu khu 8			
2	Xã Tường Thượng	2	5	1	8
		Bản Khoa 2	Bản Cải	Bản Khoa 1	
		Bản Chăn	Bản Chuợp		
			Bản Cha		
			Bản Đồng La		
			Bản Thon		
3	Xã Tường Hạ	0	5	0	5
			Bản Dăn		
			Bản Khảo		
			Bản Cóc 1		
			Bản Cóc 2		
			Bản Liên Hợp		
4	Xã Tường Phong	0	4	1	5
			Bản Suối Lồm	Bản Bèo	
			Bản Suối Tre		
			Bản Hạ Lương		
			Bản Tân Đà		
5	Xã Sập Xa	1	3	1	5
		Bản Xa	Bản Nà Lạ	Bản Giàng	
			Bản Pun		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Phiêng Lương		
6	Xã Nam Phong	0	4	1	5
			Bản Đá Mài	Bản Pín	
			Bản Suối Lúa		
			Bản Suối Vế		
			Bản Mỏ Sách		
7	Xã Mường Thái	1	3	4	8
		Bản Thái	Bản Suối Tàu	Bản Văn Phúc Yên	
			Bản Khoai Lang	Bản Chiêu	
			Bản Khe Lành	Bản Suối Quốc	
				Bản Giáp Đất	
8	Xã Mường Lang	0	6	1	7
			Bản Kẽm	Bản Manh	
			Bản Đung		
			Bản Nguồn		
			Bản Chiềng		
			Bản Tường Lang		
			Bản Thượng Lang		
9	Xã Gia Phù	0	4	6	10
			Bản Tạo	Bản Nhọt 1	
			Bản Nà Khảm	Bản Nhọt 2	
			Bản Chát Mới	Bản Lìn	
			Bản Nà Mạc	Bản Vi	
				Bản Tân Ba	
				Bản Lá	
10	Xã Quang Huy	2	3	9	14
		Bản Mo 1	Bản Mo Nghè 1	Bản Nà Xá	
		Bản Mo 2	Bản Mo Nghè 2	Bản Tường Quang	
			Bản Suối Ó	Bản Cang	
				Bản Bàn Búc	
				Bản Chiềng Hạ	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Chiềng Trung	
				Bản Chiềng Thượng	
				Bản Suối Gióng	
				Bản Suối Ngang	
11	Xã Tường Tiến	0	2	3	5
			Bản Thín	Bản Cột Móc	
			Bản Nà Pục	Bản Tật	
				Bản Pa	
12	Xã Mường Do	0	6	2	8
			Bản Páp	Bản Suối Lồng	
			Bản Tân Kiểng	Bản Bãi Lươn	
			Bản Lăn		
			Bản Do		
			Bản Tường Han		
			Bản Suối Han		
13	Xã Huy Bắc	0	0	11	11
				Bản Phố	
				Bản Nà Phái 1	
				Bản Nà Phái 2	
				Bản Suối Làng	
				Bản Phai Làng	
				Bản Dèm Thượng	
				Bản Dèm Hạ	
				Bản Tọ Thượng 1	
				Bản Tọ Thượng 2	
				Bản Kim Tân	
				Bản Sáy Tú	
14	Xã Huy Tường	0	3	3	6
			Bản Suối Pai	Bản Suối Nhúng	
			Bản Noong Pùng	Bản Muống Thượng	
			Bản Tân Cóng	Bản Tiến Phong	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
15	Xã Huy Hạ	1	3	5	9
		Bản Bó	Bản Trò 2	Bản Trò 1	
			Bản Nà Lò 1	Bản Nà Lò 2	
			Bản Xà	Bản Nà Lù	
				Bản Tọ Hạ	
				Bản Đồng Lương	
16	Xã Huy Tân	0	7	3	10
			Bản Lềm	Bản Kim Phong	
			Bản Puôi 1	Bản Puôi 2	
			Bản Puôi 3	Bản Suối Cù	
			Bản Cù 1		
			Bản Cù 2		
			Bản Giáo 1		
			Bản Giáo 2		
17	Xã Tân Lang	1	3	7	11
		Bản Đu Lau	Bản Bản Cà	Bản Diệt	
			Bản Khên Tiên	Bản Tân Hợp	
			Bản Suối Lèo	Bản Mỏ	
				Bản Thịnh Lang 1	
				Bản Thịnh Lang 2	
				Bản Yên Thịnh	
				Bản Vường	
18	Xã Tường Phù	1	6	0	7
		Bản Bùa Hạ	Bản Đông		
			Bản Bùa Chung 1		
			Bản Bùa Chung 2		
			Bản Nà Lè		
			Bản Bùa Thượng 1		
			Bản Bùa Thượng 2		
19	Xã Kim Bon	1	3	4	8
		Bản Suối On	Bản Suối Kénh	Bản Suối Bương	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Suối Vạch	Bản Suối Pa	
			Bản Trung Thành	Bản Kim Bon	
				Bản Suối Lệt	
20	Xã Mường Bang	0	3	6	9
			Bản Lao	Bản Cải	
			Bản Chè Mè	Bản Sọc	
			Bản Dinh	Bản Chùng	
				Bản Bang	
				Bản Khoáng	
				Bản Suối Gà	
21	Xã Suối Tọ	0	6	2	8
			Bản Suối Tọ	Bản Pắc Bẹ A	
			Bản Lũng Khoai	Bản Pắc Bẹ B	
			Bản Suối Khang		
			Bản Trò		
			Bản Suối Dinh		
			Bản Pắc Bẹ C		
22	Xã Suối Bau	0	5	2	7
			Bản Suối Cáy	Bản Suối Hiền	
			Bản Suối Thịnh	Bản Suối Giàng	
			Bản Suối Chèo		
			Bản Suối Bau		
			Bản Suối Chát		
23	Xã Tân Phong	1	3	1	5
		Bản Vạn Yên	Bản Mùng	Bản Đồng Mã	
			Bản In		
			Bản Bông		
24	Xã Mường Cơi	0	1	15	16
			Bản Suối Cốc	Bản Ngã Ba	
				Bản Suối Bí	
				Bản Bản Éch	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Ban Bau	
				Bản Bản Băn	
				Bản Bản Cơi	
				Bản Bản Sỏ	
				Bản Nghĩa Hưng	
				Bản Nà Xe	
				Bản Tường Ban	
				Bản Văn Cơi	
				Bản Văn Tân	
				Bản Tân Tường Hợp	
				Bản Kiềng	
				Bản Suối Bực	
25	Xã Huy Thượng	2	4	1	7
		Bản Úm 2	Bản Úm 1	Bản Tân Ban	
		Bản Ban	Bản Chằm Chài		
			Bản Kíu		
			Bản Núi Hồng		
26	Xã Bắc Phong	0	0	6	6
				Bản Bó Và	
				Bản Bư Đa	
				Bản Đá Phở	
				Bản Bãi Con	
				Bản Bó Mỹ	
				Bản Bắc Băn	
27	Xã Đá Đỏ	0	2	5	7
			Bản Bãi Vàng	Bản Cửa Sập	
			Bản Suối Tiều	Bản Bãi Sại	
				Bản Đá Đỏ	
				Bản Hợp Bông	
				Bản Tang Lang	
	Tổng số	20	94	101	215

Phụ lục số 09

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BẮC YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Song Pe	1	3	4	8
		Bản Pe	Bản Mong	Bản Chanh	
			Bản Suối Song	Bản Nguồn	
			Bản Trung Sơn	Bản Ngâm	
				Bản Suối Quốc	
2	Xã Pắc Ngà	1	7	1	9
		Bản Pắc Ngà	Bản Lùm Thượng A	Bản Tà Iu	
			Bản Lùm Thượng B		
			Bản Lùm Hạ		
			Bản Nong Cóc		
			Bản Ảng		
			Bản Bước		
			Bản Nà Sài		
3	Xã Mường Khoa	3	1	4	8
		Bản Chẹn	Bản Suối Tăng	Bản Pá Nó	
		Bản Phúc		Bản Pót	
		Bản Khoa		Bản Chạng	
				Bản Khọc B	
4	Xã Làng Chếu	0	4	2	6
			Bản Háng Cao	Bản Cáo A	
			Bản Làng Chếu	Bản Suối Lộng	
			Bản Trang Dưa Hang		
			Bản Păng Khúa		
5	Xã Phiêng Ban	1	4	2	7
		Bản Cao Đa 1	Bản Tân Ban	Bản Cao Đa 2	
			Bản Phiêng Ban	Bản Cang Hợp	
			Bản Pu Nhi		
			Bản Tam Hợp		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
6	Xã Tạ Khoa	2	3	1	6
		Bản Sập Việt	Bản Tà Đồ	Bản Nhạn Nọc	
		Bản Tân Tiến	Bản Tân Cuông		
			Bản Ợ B		
7	Xã Hang Chú	0	4	2	6
			Bản Hang Chú	Bản Phình Hồ	
			Bản Pa Cư Sáng	Bản Nậm Lộng	
			Bản Pá Hóc		
			Bản Suối Lệnh		
8	Xã Hồng Ngải	1	3	2	6
		Bản Hồng Ngải	Bản Suối Háo	Bản Suối Tênh	
			Bản Suối Chạn	Bản Đưng Giàng	
			Bản Lung Tang		
9	Xã Chiềng Sại	0	3	3	6
			Bản Tằng	Bản Nà Dòn	
			Bản Suối Ngang	Bản Quế Sơn	
			Bản Nậm Lin	Bản Co Muồng	
10	Xã Hua Nhàn	0	7	2	9
			Bản Suối Sát	Bản Khúm Khia	
			Bản Pa Khôm	Bản Suối Thón	
			Bản Trông Dê		
			Bản Hua Noong		
			Bản Hồ Sen		
			Bản Cáy Khẻ		
			Bản Đèo Chẹn		
11	Xã Phiêng Côn	1	2	1	4
		Bản Kỳ Sơn	Bản En	Bản Suối Trắng	
			Bản Nhèm		
12	Xã Háng Đồng	1	2	2	5
		Bản Háng Đồng	Bản Chổng Tra	Bản Háng Bla	
			Bản Làng Sáng	Bản Háng Đồng C	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
13	Thị trấn	1	3	3	7
		Tiểu khu Phiêng Ban 2	Tiểu khu 1	Tiểu khu 2	
			Tiểu khu 3	Bản Văn Ban	
			Bản Phiêng Ban 1	Bản Mới	
14	Xã Xím Vàng	0	3	1	4
			Bản Xím Vàng	Bản Sông Chông	
			Bản Háng Chơ		
			Bản Trông Tàu		
15	Xã Chim Vàn	0	7	1	8
			Bản Suối Cải	Bản Nà Tiến	
			Bản Cải B		
			Bản Chim Thượng		
			Bản Vàn		
			Bản Chim Hạ		
			Bản Suối Lẹ		
			Bản Suối Tù		
16	Xã Tà Xùa	0	4	0	4
			Bản Tà Xùa		
			Bản Chung Trinh		
			Bản Bẹ		
			Bản Trò A		
	Tổng số	12	60	31	103

Phụ lục số 10

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Bản Lầm	2	2	2	6
		Bản Pù	Bản Hiêm	Bản Hua Lành	
		Bản Buồng Khoang	Bản Lầm	Bản Pá Lầu	
2	Xã Bó Mươi	3	7	4	14
		Bản Nà Sánh	Bản Bó	Bản Nong Bon	
		Bản Mươi	Bản Nà Viêng	Bản Quỳnh Thuận	
		Bản Tra	Bản Lọng Cu	Bản Phai Khon	
			Bản Nà Hóc	Bản Phiêng Xe	
			Bản Lót		
			Bản Măn		
			Bản Nà Ten		
3	Xã Bon Phặng	4	1	4	9
		Bản Phặng	Bản Nong Ổ	Bản Trai	
		Bản Bon		Bản Chăn	
		Bản Tát		Bản Nam Tiến	
		Bản Lầy		Bản Bắc Cường	
4	Xã Chiềng Bôm	0	9	10	19
			Bản Ít Cang	Bản Nà Tắm	
			Bản Tịm	Bản Hón	
			Bản Khem	Bản Pọng	
			Bản Có Lú	Bản Pom Khoảng	
			Bản Hòm	Bản Mỏ	
			Bản Lét Trạng	Bản Ten Ké	
			Bản Lái	Bản Ten Muông	
			Bản Cún	Bản Huổi Pu	
			Bản Nhộp	Bản Hua Ty A	
				Bản Hua Ty B	
5	Xã Chiềng La	0	5	2	7
			Bản Song	Bản Nưa	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Cát Lót	Bản Nong Lanh	
			Bản Chiềng La		
			Bản Chiềng Cang		
			Bản Lồm La		
6	Xã Chiềng Ly	0	3	13	16
			Bản Hán	Bản Bó Lanh	
			Bản Cự	Bản Nà Cài	
			Bản Nà Tong	Bản Chiềng Ly	
				Bản Bon Nghè	
				Bản Bó Taur	
				Bản Ta Ngần	
				Bản Pán	
				Bản Đông	
				Bản Nà Lĩnh	
				Bản Huông	
				Bản Cang	
				Bản Bôm Lầu	
				Bản Bôm Pao	
7	Xã Chiềng Ngâm	0	4	9	13
			Bản Săng	Bản Chao Mùa	
			Bản Pù	Bản Quây	
			Bản Tam	Bản Huổi Sói	
			Bản Pù Bâu	Bản Nong Cạn	
				Bản Mện	
				Bản Nà Cưa	
				Bản Tợ Nưa	
				Bản Lọng Bon	
				Bản Huổi Lán	
8	Xã Chiềng Pắc	1	5	0	6
		Bản Mây	Bản Lọng Mén		
			Bản Xi Măng		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Dân Chủ		
			Bản Chiềng Pắc		
			Bản Lĩnh Luông		
9	Xã Chiềng Pha	3	3	6	12
		Bản Ta Khoang	Bản Chộ Muông	Bản Hưng Nhân	
		Bản Ngà Phát	Bản Heo Trại	Bản Chiên Luông Mai	
		Bản Trọ Phẳng	Bản Sai	Bản Quỳnh Thuận	
				Bản Huổi Tát	
				Bản Nong Lào	
				Bản Hán	
10	Xã Co Mạ	0	10	9	19
			Bản Pha Khuông	Bản Co Nghè A	
			Bản Co Mạ	Bản Co Nghè B	
			Bản Nong Vai	Bản Láo Hả	
			Bản Cát	Bản Sênh Thàng	
			Bản Mớ	Bản Huổi Dên	
			Bản Cửa Rừng	Bản Pá Ấu	
			Bản Tìi Là	Bản Xá Nhá A	
			Bản Po Mậu	Bản Hát Xiển	
			Bản Xá Nhá B	Bản Chả Lạy A	
			Bản Chả Lạy B		
11	Xã Co Tòng	0	5	3	8
			Bản Pá Hóc	Bản Co Cài	
			Bản Co Tòng	Bản Pá Cháo A	
			Bản Co Nhừ	Bản Pá Cháo B	
			Bản Há Khúa		
			Bản Thẳm Xét		
12	Xã É Tòng	0	1	12	13
			Bản Tở	Bản Đông Cù	
				Bản Hát Lẹ	
				Bản Huổi Lanh	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Huồi Lương	
				Bản Nà Hem	
				Bản Nà Lanh	
				Bản Nà Muông	
				Bản Nà Tông	
				Bản Nà Vạng	
				Bản Nong Lạnh	
				Bản Thẩm Ôn	
				Bản Xam Phổng	
13	Xã Liệp Tè	0	4	11	15
			Bản Lụ	Bản Bắc	
			Bản Co Sắn	Bản Ta Mạ	
			Bản Ban Xa	Bản Kia	
			Bản Co Phường	Bản Hiên	
				Bản Tát Ướt	
				Bản Co Khét	
				Bản Cang	
				Bản Mông Luông	
				Bản Mông Nội	
				Bản Chà Lào	
				Bản Tát	
14	Xã Long Hẹ	0	3	11	14
			Bản Cha Mạy	Bản Cán Tỷ A	
			Bản Long Hẹ	Bản Cán Tỷ B	
			Bản Nặm Nhừ	Bản Co Nhừ	
				Bản Há Tàu	
				Bản Nà Nôm	
				Bản Nông Cốc	
				Bản Pá Púa	
				Bản Pá Uối	
				Bản Pú Chấn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Pú Chứn	
				Bản Ta Khom	
15	Xã Muối Nội	1	1	6	8
		Bản Thán Sàng	Bản Muối Nội	Bản Sảng Sang	
				Bản Muối Nội A	
				Bản Nguồn	
				Bản Bó	
				Bản Phiêng Bông	
				Bản Đông Hưng	
16	Xã Mường Bám	2	9	10	21
		Bản Nà Hát	Bản Phèn	Bản Thảm Đón	
		Bản Nà La	Bản Nà Làng	Bản Pá Ban	
			Bản Nà Cầu	Bản Cắm Cạn	
			Bản Lào	Bản Pá Sàng	
			Bản Nà Pa	Bản Pá Chóng	
			Bản Bôm Kham	Bản Nà Tra	
			Bản Nặm Ún	Bản Bánh Ó	
			Bản Hát Pang	Bản Tư Làng B	
			Bản Tư Làng A	Bản Pha Khương	
				Bản Pá Nó	
17	Xã Mường É	2	6	11	19
		Bản Chiềng Ve	Bản Phát Chập	Bản Cang Kéo	
		Bản Há Tộc	Bản Cả Vai	Bản Co Cại	
			Bản Kiểng	Bản Hát Lụ	
			Bản Nà Lầu	Bản Hịa	
			Bản Nà Lè	Bản Huổi Ái	
			Bản Phạ Lụ	Bản Nà Sàng	
				Bản Nặm Nòng	
				Bản Pá Khôm	
				Bản Pá Ổ	
				Bản Tàn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Tum	
18	Xã Mường Khiêng	0	10	16	26
			Bản Khiêng	Bản Nhóc	
			Bản Tộn Pợ	Bản Thông	
			Bản Lúa Hang	Bản Ổ	
			Bản Sát	Bản Lạn	
			Bản Nuống Há	Bản Hua Sát	
			Bản Pục Tún	Bản Củ	
			Bản Phé Hăng	Bản Thuận Ôn	
			Bản Sào Và	Bản Pồng	
			Bản Bó Phúc	Bản Nam	
			Bản Bon	Bản Han	
				Bản Kềm	
				Bản Lúa B	
				Bản Hin Lẹp	
				Bản Sinh Lẹp	
				Bản Hốc	
				Bản Huổi Pản	
19	Xã Nậm Lầu	1	7	15	23
		Bản Lọng Lầu	Bản Biên	Bản Ban	
			Bản Nậm Lậu	Bản Huổi Kép	
			Bản Pài	Bản Huổi Xưa	
			Bản Phúc	Bản Ít Cuông	
			Bản Tăng	Bản Ít Mặn	
			Bản Tòng	Bản Mỏ	
			Bản Xanh	Bản Nà Há	
				Bản Nà Ít	
				Bản Nà Kẹ	
				Bản Nà Nọi	
				Bản Nong	
				Bản Nong Ten	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Pa O	
				Bản Thẳm Phé	
				Bản Xa Hòn	
20	Xã Nong Lay	0	3	8	11
			Bản Phiêng Phớ	Bản Nong Lay	
			Bản Huổi Lọng	Bản Liên Minh	
			Bản Bó Mạ	Bản Quyết Thắng A	
				Bản Búa Co Chạy	
				Bản Cà Nàng	
				Bản Nong Giăng	
				Bản Cửa Hàng	
				Bản Quyết Thắng B	
21	Xã Pá Lông	0	4	4	8
			Bản Pá Ný	Bản Sáu Mê	
			Bản Tinh Lá	Bản Từ Sáng	
			Bản Tịa	Bản Tịa Tậu	
			Bản Hua Ngáy	Bản Hua Dấu	
22	Xã Phông Lái	1	1	14	16
		Bản Nặm Giắt	Bản Lái Kính	Bản Bay	
				Bản Bó Nhai	
				Bản Cang	
				Bản Kiến Xương	
				Bản Đông Quan	
				Bản Khau Lay	
				Bản Lồm Púa	
				Bản Lồm Pè	
				Bản Cồng Chập	
				Bản Mường Chiên	
				Bản Mường Chiên 2	
				Bản Nong Bồng	
				Bản Quỳnh Châu	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Tiên Hưng	
23	Xã Phông Lăng	0	9	4	13
			Bản Nà Nội	Bản Huổi Luông	
			Bản Nà Lọ	Bản Phiêng Cại	
			Bản Nà Cà	Bản Lăng Nội	
			Bản Nà Xa	Bản Nong Pòng	
			Bản Lăng Luông		
			Bản Thái Cống		
			Bản Còng		
			Bản Bĩa		
			Bản Dữn		
24	Xã Phông Lập	0	9	4	13
			Bản Kẹ	Bản Mầu Xá	
			Bản Kéo Sáo	Bản Muông Mỏ	
			Bản Lũa	Bản Huổi Ít	
			Bản Lập	Bản Pá Sàng	
			Bản Ban Lềm		
			Bản Mầu Thái		
			Bản Nà Khoang		
			Bản Nghịu		
			Bản Ta Tú		
25	Xã Púng Tra	0	5	3	8
			Bản Lăng Hạt	Bản Nong Ổ	
			Bản Púng A	Bản Púng Mé	
			Bản Phạ	Bản Púng Ten	
			Bản Dồm		
			Bản Tra		
26	Thị trấn Thuận Châu	0	0	10	10
				Tiểu khu 1	
				Tiểu khu 2	
				Tiểu khu 3	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Tiểu khu 4	
				Tiểu khu 5	
				Tiểu khu 6	
				Tiểu khu 7	
				Tiểu khu 8	
				Tiểu khu 9	
				Tiểu khu 10	
27	Xã Thôm Mòn	1	7	6	14
		Bản Mòn	Bản Cắm	Bản Nà Tỷ	
			Bản Ba Nhất 1	Bản Hợp Thành	
			Bản Ba Nhất 2	Bản Nà Càng	
			Bản Lọng Cại	Bản Thôm	
			Bản Phé	Bản Nà Nam	
			Bản Thống Nhất A	Bản Chùn	
			Bản Thống Nhất B		
28	Xã Tông Cọ	1	5	6	12
		Bản Lè	Bản Cọ	Bản Bay A	
			Bản Lào	Bản Bay B	
			Bản Phé	Bản Bon	
			Bản Sen To	Bản Hình	
			Bản Thúm Cáy	Bản Huổi Táp	
				Bản Nà Lạn	
29	Xã Tông Lạnh	4	6	8	18
		Bản Lạnh	Bản Dẹ	Bản Nà Lạn	
		Bản Hua Nà	Bản Củ	Bản Táng A	
		Bản Thẳm	Bản Pằn Nà	Bản Táng B	
		Bản Công Muồng	Bản Tốm	Bản Bai A	
			Thôn 1	Bản Bai B	
			Thôn 2	Bản Trai Tranh	
				Bản Lạn Bổng	
				Thôn 3	
	Tổng số	26	144	221	391

Phụ lục số 11

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Thị trấn Ít Ong	1	11	4	16
		Bản Nà Lốc	Bản Nong Heo	Tiểu khu 2	
			Tiểu khu Nang Cau	Tiểu khu 3	
			Bản Chiềng Tè	Tiểu khu 4	
			Tiểu khu Hua Ít	Tiểu khu 5	
			Bản Nà Tòng		
			Bản Nà Lo		
			Bản Nà Nong		
			Tiểu khu Ít Bon		
			Tiểu khu Mé Lùu		
			Tiểu khu Phiêng Tìn		
			Tiểu khu 1		
2	Xã Mường Bú	1	17	8	26
		Bản Giàn	Bản Mường Bú	Bản Nà Xi	
			Bản Búng Diễn	Bản Văn Minh	
			Bản Hua Bó	Tiểu Khu 1	
			Bản Chón	Bản Huổi Cưởm	
			Bản Nang Phai	Bản Huổi Hào	
			Bản Ngoạng	Bản Nà Nong	
			Bản Đông Luông	Bản Pá Xúm	
			Bản Sang	Bản Pá Tong	
			Bản Pu Luông		
			Bản Hin Ban		
			Bản Bằg Phột		
			Bản Phiêng Bủng		
			Bản Ta Mo		
			Tiểu Khu 2		
			Bản Bủng		

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Bó Cóp		
			Bản Cúp		
3	Xã Mường Chùm	0	2	14	16
			Bản Chang Lúa	Bản Nong Buôi	
			Bản Pàn	Bản Nặm Ún	
				Bản Nà Tòng	
				Bản Nà Nong	
				Bản Mường Kham	
				Bản Pật	
				Bản Nà Nhụng	
				Bản Hồng Hìn	
				Bản Pá Nặm	
				Bản Huổi Hiểu	
				Bản Co Tòng	
				Bản Liù	
				Bản Nong Chạy	
				Bản Nà Thuốn	
4	Xã Tạ Bú	0	7	5	12
			Bản Pá Tong	Bản Thẳm Hon	
			Bản Két	Bản Tạ Bú	
			Bản Tạ Búng	Bản Mòn	
			Bản Pét	Bản Buôi	
			Bản Tôm	Bản Chom Cọ	
			Bản Bắc		
			Bản Pậu		
5	Xã Chiềng San	2	2	3	7
		Bản Nong Luông	Bản Lâm	Bản Kéo Ốt	
		Bản Chiến	Bản Pá Chiến	Bản Púng Quài	
				Bản Pú Pầu	
6	Xã Chiềng Công	0	3	14	17
			Bản Đin Lanh	Bản Co Sủ Trên	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Hán Cá Thệnh	Bản Co Sủ Dưới	
			Bản Nặm Hồng	Bản Mạo	
				Bản Chông Du Tầu	
				Bản Tảo Ván	
				Bản Mới	
				Bản Tóc Tát Trên	
				Bản Tóc Tát Dưới	
				Bản Khao Lao Trên	
				Bản Khao Lao Dưới	
				Bản Nong Hùn	
				Bản Kéo Hòm	
				Bản Lọng Bó	
				Bản Pá Chè	
7	Xã Chiềng Ân	0	3	4	7
			Bản Nong Hoi Dưới	Bản Pá Xá Hồng	
			Bản Nong Bông	Bản Nong Hoi Trên	
			Bản Háng Trạng	Bản Sạ Súng	
				Bản Tà Pù Chử	
8	Xã Chiềng Muôn	0	2	4	6
			Bản Nong Quài	Bản Pá Kim	
			Bản Hua Đán	Bản Hua Chiến	
				Bản Hua Kim	
				Bản Cát Linh	
9	Xã Mường Trai	0	3	4	7
			Bản Cang Bó Ban	Bản Khâu Ban	
			Bản Phiêng Hua Nà	Bản Lá Mường	
			Bản Huổi Muôn	Bản Búng Cuổng	
				Bản Huổi Ban	
10	Xã Chiềng Lao	2	13	3	18
		Bản Nà Cường	Bản Tà Sài	Bản Huổi Quảng	
		Bản Pậu	Bản Nà Nong	Bản Huổi Hậu	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Phiêng Cại	Bản Pá Sóng	
			Bản Cun		
			Bản Huổi Choi		
			Bản Nhạp		
			Bản Léch		
			Bản Nà Léch		
			Bản Mạ		
			Bản Huổi Tóng		
			Bản Phiêng Phả		
			Bản Đán Ến		
			Bản Xu Xăm		
11	Xã Nậm Giôn	0	1	14	15
			Bản Huổi Lẹ	Bản Nậm Cừm	
				Bản Púng Ngùa	
				Bản Huổi Ngàn	
				Bản Huổi Chèo	
				Bản Huổi Sản	
				Bản Huổi Pươi	
				Bản Pá Hợp	
				Bản Huổi Tao	
				Bản Pá Mòng	
				Bản Pá Pù	
				Bản Huổi Chà	
				Bản Co Đưa	
				Bản Đen Đin	
				Bản Huổi Hóc	
12	Xã Ngọc Chiến	4	6	5	15
		Bản Mường Chiến	Bản Pú Dảnh	Bản Giàng Phổng	
		Bản Nà Tàu	Bản Mường Chiến II	Bản Chấm Pộng	
		Bản Lướt	Bản Phày	Bản Kẻ	
		Bản Lọng Cang	Bản Đông Xuông	Bản Chom Khâu	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Khua Vai	Bản Huổi Ngùa	
			Bản Nậm Nghep		
13	Xã Pi Toong	3	4	3	10
		Bản Núa Trò	Bản Tong	Bản Chảo Lào	
		Bản Lứa	Bản Nong Pi	Bản Nà Trà	
		Bản Cang Phiêng	Bản Pi	Bản Nà Tạy	
			Bản Ten		
14	Xã Nậm Păm	1	4	5	10
		Bản Piêng	Bản Hua Nậm	Bản Huổi Liếng	
			Bản Hốc	Bản Huổi Hốc	
			Bản Bâu	Bản Nong Bâu	
			Bản Ít	Bản Huổi Có	
				Bản Hua Piêng	
15	Xã Hua Trai	0	8	2	10
			Bản Mẻn	Bản Thảm Cọng	
			Bản Phiêng Lờ	Bản Nậm Hồng	
			Bản Po		
			Bản Ổ		
			Bản Lẻ		
			Bản Đông Khít		
			Bản Lọng Bong		
			Bản Pá Han		
16	Xã Chiềng Hoa	2	5	7	14
		Bản Mường Pia	Bản Chông	Bản Lọng Sản	
		Bản Phương Yên	Bản Nong Xua	Bản Hìn Phá	
			Bản Tả	Bản Pháy Hượn	
			Bản Áng Nghiu	Bản Pá Liềng	
			Bản Lứa Xe	Bản Hát Hay	
				Bản Huổi Má	
				Bản Nong É	
	Tổng số	16	91	99	206

Phụ lục số 12

BIỂU PHÂN LOẠI BẢN, TIỂU KHU, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MAI SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
1	Xã Chiềng Lương	2	2	15	19
		Bản Mật Sàng	Bản Pó In	Bản Mờn 1	
		Bản Lù	Bản Lụng Tra	Bản Mờn 2	
				Bản Ý Lường	
				Bản Oi	
				Bản Chi 1	
				Bản Chi 2	
				Bản Lạn Quỳnh	
				Bản Phú Lương	
				Bản Tảng	
				Bản Buôm Khoang	
				Bản Thảm Phẳng	
				Bản Búa Bon	
				Bản Kéo Lôm	
				Bản Phiêng Nọi	
				Bản Nà Rằm	
2	Xã Tà Hộc	0	6	2	8
			Bản Hộc	Bản Pù Tền	
			Bản Mòng	Bản Pá Hóc	
			Bản Pá Nó		
			Bản Mường		
			Bản Bơ		
			Bản Pon		
3	Xã Chiềng Ban	0	2	19	21
			Bản Áng Ứng	Tiểu khu 6/1	
			Bản Sàng Nà Tre	Bản Lôm	
				Bản Thạy	
				Bản Kéo Tóc	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Hoa Mai	
				Bản Huổi Khoang	
				Bản Cù 1	
				Bản Cù 2	
				Bản Cù 3	
				Bản Cù 4	
				Bản Thộ	
				Bản Ót	
				Bản Pát	
				Bản Tong Chinh	
				Bản Phiêng Quài	
				HTX 2	
				HTX 3	
				Bản Mai Tiên	
				Bản Văn Tiên	
4	Xã Chiềng Dong	0	5	3	8
			Bản Nà Khoang	Bản Dè	
			Bản Lò Um	Bản Pặc Ngần	
			Bản Liềng	Bản Pha Đin	
			Bản Nghiu Cọ		
			Bản Khoáng Biên		
5	Xã Mường Bằng	0	4	9	13
			Bản Liềng Quỳnh	Bản Bó	
			Bản Mé Mòi	Bản Săng	
			Bằng Thịnh	Bản Cáp	
			Bản Phang Hụm Có	Bản Xùm Hào	
				Bản Lương Mạt	
				Bản Giàng Bon	
				Bản Quỳnh Pầu	
				Bản Quỳnh Châu	
				Bản Nà Trai	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
6	Xã Chiềng Mung	0	5	16	21
			Tiểu khu Nà Sản	Bản Nà Hạ 1	
			Bản Hời	Bản Nà Hạ 2	
			Bản Mạt	Bản Phát	
			Thôn Hoàng Văn Thụ	Bản Bôm Cưa	
			Bản Xum	Bản Nong Phụ	
				Thôn Đoàn Kết	
				Bản Kẹ Nhừn	
				Bản Nà Sang	
				Bản Lầu	
				Bản Lo	
				Bản Co My	
				Bản Nong Nái	
				Bản Nà Nội	
				Thôn 6	
				Thôn 7	
				Bản Đức Hản	
7	Xã Chiềng Nọi	0	8	7	15
			Bản Bằng Ban	Bản Huổi Do	
			Bản Cho Coong	Bản Phé	
			Bản Nhụng Trên	Bản Huổi Sàng	
			Bản Nhụng Dưới	Bản Pá Hóc	
			Bản Co Hỉnh	Bản Phiêng Khôm	
			Bản Sài Khao	Bản Huổi Lấp	
			Bản Phiêng Thẳm	Bản Hua Pư	
			Bản Nà Phẳng		
8	Xã Nà Bó	0	4	9	13
			Bản Nà Hường	Tiểu khu 7	
			Tiểu khu 8	Bản Pát Ca	
			Bản Bó Đuôi	TK Thành Công	
			Bản Đông Sần	Bản Nà Bó	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Trung Thành	
				Bản Cáp Na	
				Bản Sơn Tra	
				Bản Kéo Bó	
				Bản Phiêng Hỉnh	
9	Xã Chiềng Ve	0	4	1	5
			Bản Vuông Mè	Bản Púng	
			Bản Sươn Mè		
			Bản Khiềng		
			Bản Thẳm		
10	Xã Mường Chanh	0	1	11	12
			Bản Đen	Bản Bông	
				Bản Lọng Nặm	
				Bản Huổi Mo	
				Bản Nà Cà	
				Bản Pom Săn	
				Bản Hòm	
				Bản Phúc Lợi	
				Bản Hịa	
				Bản Nong Ten	
				Bản Cang Mường	
				Bản Pon Chằm	
11	Xã Chiềng Chung	0	3	8	11
			Bản Ngòi	Bản Nghịu Ten	
			Bản Khoa	Bản Nam	
			Bản Mé	Bản Hạm	
				Bản Mảy	
				Bản Lọng Nghịu	
				Bản Xam Ta	
				Bản Ít Hò	
				Bản Tường Chung	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
12	Xã Chiềng Mai	0	6	5	11
			Bản Pòn	Bản Cơi Quỳnh	
			Bản Cúp	Tiểu khu Ngã Ba	
			Bản Vực Bon	Bản Mé Mận	
			Bản Ban	Bản Dăm Hoa	
			Bản Cuộm Sơn	Bản Puồn Vay	
			Bản Co Sâu		
13	Thị trấn Hát Lót	6	2	14	22
		Tiểu khu 1	Tiểu khu 19	Tiểu khu 3	
		Tiểu khu 2	Tiểu khu 21	Tiểu khu 5	
		Tiểu khu 4		Tiểu khu 7	
		Tiểu khu 6		Tiểu khu 8	
		Tiểu khu 17		Tiểu khu 9	
		Tiểu khu 20		Tiểu khu 10	
				Tiểu khu 11	
				Tiểu khu 12	
				Tiểu khu 13	
				Tiểu khu 14	
				Tiểu khu 15	
				Tiểu khu 16	
				Tiểu khu 18	
				Bản Dôm	
14	Xã Nà Ốt	0	2	9	11
			Bản Há Sét	Bản Xà Vịt	
			Bản Trạm Hìn	Bản Ốt Chả	
				Bản Lọ Dên	
				Bản Lụng Công	
				Bản Nà Hạ	
				Bản Xà Kìa	
				Bản Nặm Lanh	
				Bản Pá Sung	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Nà Un	
15	Xã Chiềng Kheo	0	2	3	5
			Bản Buốt Vần	Bản Lon Kéo	
			Bản Nà Viên	Bản Có Tình	
				Bản Páng Săng B	
16	Xã Hát Lót	1	2	15	18
		Thôn Tiên Phong	Bản Nà Sy	Tiểu khu Nà Sản	
			Bản Nặm Ban	Tiểu khu 10	
				Bản Nà Cang	
				Bản Nà Săng	
				Bản Yên Tiến	
				Bản Phiêng Trai	
				Bản Tiến Sơn	
				Bản Nông Xôm	
				Bản Nà Hạ	
				Bản Lọng Khoang	
				Bản Ngồ Hén	
				Bản Búng Lay	
				Bản Củ Nghè	
				Bản Lót	
				Bản 428	
17	Xã Phiêng Păn	0	10	9	19
			Bản Kết Hay	Bản Pá Ban	
			Bản Nà Nhụng	Bản Đen	
			Bản Ta Vắt	Bản Pá Tong	
			Bản Nà Hiên	Bản Xà Cành	
			Bản Phiêng Khàng	Bản Pá Po	
			Bản Kết Nà	Bản Pá Liềng	
			Bản Vít	Bản Thán	
			Bản Pá Nó	Bản Pên	
			Bản Ta Lúc	Bản Co Hày	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
			Bản Nà Pồng		
18	Xã Cò Nòi	6	13	13	32
		Bản Cò Nòi	Bản Bó Hặc	Bản Bình Yên	
		Bản Nong Quỳnh	Bản Nong Te	Bản Quỳnh Sơn	
		Bản Lếch	Bản Hua Tát	Bản Hìn Thuội	
		Tiểu khu 19/5	Bản Sơn Pha	Bản Huổi Dương	
		Tiểu khu 3/2	Tiểu khu 2	Bản Kim Sơn	
		TK Bình Minh	Tiểu khu 26/3	Bản Mé Lếch	
			Tiểu khu 3	Bản Nà Cang	
			Tiểu khu 39	Bản Phiêng Hỳ	
			Tiểu khu Thống Nhất	Bản Quỳnh Tiến	
			Bản Mòn	TK Quyết Thắng	
			Bản Mu Kít	Bản Tân Quế	
			Bản Nhạp	Bản Xuân Quế	
			Bản Nong Mòn	Tiểu khu 1	
19	Xã Mường Bon	0	2	11	13
			Bản Un	Bản Mé	
			Bản Tà Xa	Bản Lắm	
				Bản Mứn Đoàn Kết	
				Bản Bon	
				Bản Ở Tra	
				Bản Mai Quỳnh	
				Bản Nà Viên	
				Bản Xa Cẩn	
				Bản Mai Tiên	
				Bản Tiên Xa	
				Bản Rừng Thông	
20	Xã Chiềng Sung	0	2	10	12
			Bản Búc	Bản Tà Đứng	
			Bản Nhất Bó Lạnh	Bản Cao Sơn	
				Bản Nong Sơn	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Bó Quỳnh	
				Bản Cang	
				Bản Tân Lập	
				Bản Nong Bình	
				Bản Trạm Cầu	
				Bản Quỳnh Tám	
				Bản Phát Nam	
21	Xã Phiêng Cầm	1	4	18	23
		Bản Lọng Hỏm	Bản Xà Liệt	Bản Nong Tàu Mông	
			Bản Phiêng Phụ	Bản Nong Nghè	
			Bản Huổi Nhả	Bản Xà Nghè	
			Bản Nong Tàu Thái	Bản Củ	
				Bản Huổi Nhả Thái	
				Bản Phiêng Mụ	
				Bản Tang Lương	
				Bản Lọng Nghiu	
				Bản Co Muông	
				Bản Huổi Thùng	
				Bản Thăm Hưn	
				Bản Bon Trỏ	
				Bản An Mạ	
				Bản La Va	
				Bản Huổi Thươn	
				Bản Nặm Pút	
				Bản Hua Nà	
				Bản Pú Tậu	
22	Xã Chiềng Chăn	0	0	15	15
				Bản Huổi Hải	
				Bản Hưn	
				Bản Chan Chiềng	
				Bản Yên Bình	

STT	Tên đơn vị hành chính	Phân loại bản, tiểu khu			Tổng số bản
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3	
				Bản Tong Tái B	
				Bản Quỳnh Nam	
				Bản Nậm Luông	
				Bản Tong Chiêng	
				Bản Tong Tái A	
				Bản Sài Lương	
				Bản Sy	
				Bản Kiếng	
				Bản Sài Lương 1	
				Bản Chiềng Đen	
				Bản Phường	
	Tổng số	16	89	222	327